

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và khoản 1 Điều 131
Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1503/2022/TLST-VHNGĐ
ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm
những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Trương Thị Tuyết L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khu phố 3, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng
Nai.

- Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Phạm Văn Thuận, khu phố 3, phường Tân Tiến, thành phố Biên
Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Trương Thị Tuyết L và ông Nguyễn Hoàng T thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Tuyết L và ông Nguyễn Hoàng T
thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Trương Thị Tuyết L và
ông Nguyễn Hoàng T. Giao cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 06/9/2007 cho ông T
chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/5/2012 cho bà L
trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T tự nguyện cấp dưỡng cho cháu
L mỗi tháng là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi
và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân. Tạm thời bà L không cấp dưỡng
cho cháu S.

Bà L, ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà
không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được
quyền đề nghị thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi
con chung.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Tuyết L và ông Nguyễn Hoàng T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Trương Thị Tuyết L và ông Nguyễn Hoàng T. Giao cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 06/9/2007 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/5/2012 cho bà L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T tự nguyện cấp dưỡng cho cháu L mỗi tháng là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân. Tạm thời bà L không cấp dưỡng cho cháu S.

Bà L, ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền đề nghị thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà L và ông T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0002809 ngày 18/5/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được tính trừ vào lệ phí bà L và ông T phải nộp. Bà L và ông T đã nộp đủ lệ phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Hương

